

Số: 558 /QĐ-UBND

Huế, ngày 06 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 840/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 26 thủ tục hành chính (TTHC), bao gồm 01 TTHC mới được ban hành, 23 TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế và 02 TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã. Cụ thể:

Phụ lục I: Danh mục 01 TTHC mới ban hành lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Phụ lục II: Danh mục 23 TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và 04 TTHC thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp xã.

Phụ lục III: Danh mục 01 TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và 01 TTHC thuộc thẩm quyền UBND cấp xã.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định, đồng bộ dữ liệu TTHC công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC thành phố Huế theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC ngay sau khi Quyết định này được ký ban hành, hoàn thành trước ngày 10/02/2026.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, có trách nhiệm:

- Niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thay thế các TTHC công bố tại số thứ tự 1, 2, 5, 8, 9, 13, 15, 17, 20, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm và Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố, UBND cấp huyện và UBND cấp xã;

- Thay thế các TTHC công bố tại số thứ tự số thứ tự 1, mục B, Phụ lục I; số thứ tự 2, mục B, Phụ lục II Ban hành kèm theo Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế) về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính được thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã;

- Thay thế các TTHC công bố tại số thứ tự 3, 4, 5, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thay thế các TTHC công bố tại số thứ tự 1, 2, mục II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã;

- Thay thế TTHC công bố tại số thứ tự 1, Phụ lục kèm theo Quyết định số: 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Thay thế TTHC công bố tại số thứ tự 3, Phụ lục kèm theo Quyết định số: 2146/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, được thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã;

- Bãi bỏ TTHC công bố tại số thứ tự 1, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã;

- Bãi bỏ TTHC công bố tại số thứ tự 2, Phụ lục kèm theo Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG
SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: 558 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
1	1.014833	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Điều 24 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).
- TTHC trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM; LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 558/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
A	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM							
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ							
1	1.014836	Điều chỉnh khu rừng đặc dụng	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16/11/2018, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
2	1.012687	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
3	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
					(https://dichvucong.gov.vn)			
4	1.014837	Điều chỉnh khu rừng phòng hộ	<i>Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	<i>23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
5	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc	<i>Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy</i>	<i>25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
		địa phương quản lý	<i>ban nhân dân cấp tỉnh</i>		trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		<i>ngày 26/01/2026</i>	
6	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	<i>Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	<i>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
7	1.014839	<i>Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của</i>		<i>20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
		<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh¹</i>			hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - <i>Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026</i>	ng nghiệp và Môi trường.
8	1.014838	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	<i>Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	<i>18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - <i>Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026</i>	- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i> - <i>Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.</i>

¹ Thủ tục hành chính này đã được công bố tại Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 và Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30/10/2024; bị bãi bỏ tại Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
9	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh		Tùy trường hợp ²	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
10	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng	Tùy trường hợp ³	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố.

² (a) 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng); (b) 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng).

³ (a) 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng); (b) 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng).

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
		đích sử dụng rừng sang mục đích khác	<i>rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</i>		hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - <i>Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026</i>	- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
11	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức		<i>08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - <i>Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026</i>	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
12	1.012690	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công		15 ngày kể từ ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP,	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
		trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý		nhận được hồ sơ hợp lệ	chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
13	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
14	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
15	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		Tùy trường hợp ⁴	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực

⁴ (a) Trường hợp không có thông tin vi phạm: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; (b) Trường hợp có thông tin vi phạm: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
					cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)			
16	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ		Tùy trường hợp ⁵	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	Chi cục Kiểm lâm
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							

⁵ (a) Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; (b) Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ⁶		20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP;	- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

⁶ Thủ tục hành chính này đã được công bố tại Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2025 và Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30/10/2024; bị bãi bỏ tại Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
					- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		- Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	
3	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026	- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.
4	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ	Không	- Nghị định số 58/2024/ NĐ-CP ngày 24/5/2024; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.	- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan giải quyết: cơ quan chuyên môn về

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
		án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư			hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)			nông nghiệp và môi trường cấp xã.
B	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC							
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ							
1	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15; - Điều 23 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
2	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen		10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15; - Điều 25 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15; - Điều 27 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
					(https://dichvucong.gov.vn)			

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)
- TTHC trên được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố

Phụ lục III**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Quyết định số: 558/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)*

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục	Cơ quan thực hiện
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Điểm đ, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Điểm đ, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường